

Số: 119/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 06 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1984

Trú tại: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Trần Kim T - Sinh năm 1982

Trú tại: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Những người có quyền lợi liên quan:

1/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện C, Phú Thọ

Do ông Nguyễn Ngọc L - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện C đại diện theo ủy quyền

2/ Chị Nguyễn Thị Kim N – Sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

3/ Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

4/ Chị Nguyễn Thị B – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn S, huyện C, Phú Thọ

5/Chị Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

7/ Chị Nguyễn Thị Tú T – sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 3, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

8/ Chị Trần Thị Kim C – Sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

9/ Anh Nguyễn Hán H – Sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

10/ Chị Đỗ Thị Minh H – Sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, khoản 1 điều 59, khoản 1 điều 60, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Kim T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Kim T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là

Cháu Trần Hương Giang – Sinh ngày 14/11/2007

Cháu Trần Minh Đức – Sinh ngày 12/11/2011

Hai bên thống nhất chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Đ; anh Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hương G. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

Chị H, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ:

Đối với khoản nợ Ngân hàng No & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện C các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hai bên thỏa thuận anh Trần Kim T có nghĩa vụ trả các khoản nợ cho những người có quyền lợi liên quan sau và đề nghị Tòa án công nhận:

- Chị Nguyễn Thị Kim N (Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị T (Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị B (Khu 7, thị trấn S, huyện C, Phú Thọ): 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị Thu H (Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Chị Đỗ Thị Minh H (Khu 5, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị Tú T (Khu 3, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Chị Trần Thị Kim C (Khu 2, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Hán H (Khu 2, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ): 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn).

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về công sức: không có, không đề nghị giải quyết

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp cả 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003308 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Phượng Vĩ
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan